

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Tấn Lãm

2. Bà Nguyễn Thị Mùa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:** Ông Dương Mỹ Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2022/TLST – DS ngày 27 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Đàm Thị X, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

\* *Bị đơn:* Ông Mai Thanh S (tên gọi khác: Hùng, Mai Viết H), sinh năm 1970 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn BL xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2022; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 23/4/2019 do có mối quan hệ quen biết với nhau, bà X có cho vợ chồng ông Mai Thanh S (tên gọi khác: Hùng, Mai Viết H) và bà Phạm Thị T vay số

tiền 200.000.000 đồng, khi vay có lập giấy mượn tiền, lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2%, thời gian trả nợ là đến mùa điều năm 2020. Cùng ngày bà X tiếp tục cho bà T vay thêm số tiền 43.000.000 đồng, khi vay có lập giấy thể hiện nội dung vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, thời gian trả nợ là trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay bà T, ông H mới trả được cho bà X số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, còn nợ lại bà X tổng số tiền 233.000.000 đồng. Bà X đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà T trả tiền nhưng bà T, ông H vẫn không trả.

Nay bà X làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ông Mai Thanh S (tên gọi khác Mai Viết H) và bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền vay gốc là 230.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng kể từ 23/4/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa bà X thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Sơn (tên gọi khác H) và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 190.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/4/2019 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất 10%/năm; yêu cầu bà T trả số tiền vay 43.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày tại bản tự khai biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 3 năm 2022:

Bà T có nhiều lần vay tiền của bà X nhưng không nhớ rõ đến ngày 23/4/2019 thì bà X chốt số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và lãi suất cộng với tiền nợ mua thịt heo thành tổng số nợ là 200.000.000 đồng. Khi vay thời gian đầu lãi suất là 4%/tháng, sau đó giảm xuống 3%/tháng, đến ngày 23/4/2019 hai bên chốt số tiền nợ gốc và lãi suất thì lãi suất là 2%/tháng. Thời gian trả nợ thì bà T với bà X thỏa thuận là khi nào có thì trả, cứ tới tháng trả tiền lãi nhưng từ năm 2019 đến nay bà T vỡ nợ không có tiền lãi suất cho bà X, năm 2020 thì bà X có nói là do bà T khó khăn thì có bao nhiêu thì trả dần, chồng tôi có nói là xin trả dần tới mùa điều hàng năm trả mỗi năm 10.000.000 đồng, mùa điều năm 2021 bà T đã trả được 10.000.000 đồng. Đối với khoản vay 43.000.000 đồng này là tiền tôi bà T vay của bà X và tiền bà T mua nợ thịt heo của bà X, số tiền này đã được cộng vào số tiền 200.000.000 đồng rồi. Nay bà X khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T trả tổng số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi suất theo mức lãi suất 1,7%/tháng tính từ ngày 23/4/2019 đến khi kết thúc vụ án thì bà T chỉ đồng ý trả cho bà X số tiền 190.000.000 đồng tiền nợ gốc vì bà T chỉ còn nợ bà X số tiền 190.000.000 đồng, do hiện nay hoàn cảnh gia đình tôi khó khăn, bà T làm ăn thua lỗ nên xin trả dần tiền gốc mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn tiền lãi suất tôi xin không trả.

3. Bị đơn ông Mai Thanh S (tên gọi khác H)

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, ông Mai Thanh S đều vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người

khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Xét thấy, đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do nguyên đơn bà Đàm Thị X thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Phạm Thị T, ông Mai Thanh S trú tại thôn BL xã B, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn bà Phạm Thị T, ông Mai Thanh S đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông S.

Bà T có bản tự khai, ông S không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

\* Về số tiền nợ gốc:

Bà X yêu cầu bà Phạm Thị T, ông Mai Thanh S trả số tiền vay gốc 190.000.000 đồng. Yêu cầu này được chứng minh qua giấy vay tiền ngày 23/4/2021 và qua lời thừa nhận của bà T, thì xác định bà Phạm Thị T, ông Mai Thanh S có vay của bà Đàm Thị X số tiền 200.000.000 đồng. Trong quá trình trả nợ thì ông S, bà T có trả được số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại là 190.000.000 đồng chưa trả. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị X buộc bà Phạm Thị T, ông Mai Thanh S có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 190.000.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

Bà X yêu cầu bà Phạm Thị T trả số tiền vay gốc 43.000.000 đồng. Yêu cầu này được chứng minh qua giấy vay tiền ngày 23/4/2021, thì xác định bà Phạm Thị T có vay của bà Đàm Thị X số tiền 43.000.000 đồng. Trong quá trình trả nợ thì bà T chưa trả số tiền này. Theo bà T trình bày là số tiền này là tiền nợ và tiền mua thịt heo đã được cộng vào số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc bà T khai trên là không có căn cứ vì số tiền này được lập cùng ngày và được viết vào mặt sau cùng một tờ giấy, số tiền này cũng không được gạch đi hoặc không được trừ vào số tiền 200.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị X buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 43.000.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

\* Về tiền lãi suất:

Đối với số tiền vay gốc 190.000.000 đồng bà X yêu cầu tính lãi từ ngày 23/4/2019 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của bà X là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau: 190.000.000 đồng x 10%/năm x 42 tháng bằng 66.234.000 đồng.

Đối với số tiền vay gốc 43.000.000 đồng, bà X không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị T, ông Mai Thanh S phải nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 96; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đàm Thị X

Buộc bà Phạm Thị T, ông Mai Thanh S (tên gọi khác Mai Viết H) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đàm Thị X số tiền vay gốc 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*) và tiền lãi 66.234.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn đồng*)

Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Đàm Thị X số tiền vay gốc 43.000.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu đồng*)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T, ông Mai Thanh S phải nộp số tiền 12.811.700 đồng (*Mười hai triệu tám trăm mười một nghìn bảy trăm đồng*)

Bà Phạm Thị T phải nộp số tiền 2.150.000 đồng (*Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*)

Trả lại cho Đàm Thị X số tiền tạm ứng án phí 9.075.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006108 ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Án xử sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THỊ TUYẾT**